TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27- 3- 2019
"V/v ly hôn giữa chị Đ và anh H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Ngọc Huỳnh.

2. Ông Đặng Văn Tác.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 426/2018/TLST - HNGĐ ngày 12/12/2018 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"*

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hồ Ngọc Đ**, sinh năm 1977.

2. Bị đơn: Anh **Trương Minh H**, sinh năm 1977.Cùng trú tại: Tổ 10, ấp Bình Ph 1, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 07/12/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hồ Ngọc Đ trình bày:

Hôn nhân của chị và anh H do mai mối rồi thành vợ chồng, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên tổ chức lễ cưới năm 1994 và được Ủy ban nhân dân xã Phú Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 25 tháng 02 năm 2015. Quá

trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không quan tâm, chăm sóc vợ con, ghen tuông vô cớ, thường xuyên uống rượu, cờ bạc, đá gà, tiền làm ra bao nhiêu cũng tiêu xài cá nhân, vợ chồng vì thế hay cải nhau những lần cải nhau thì anh H đập phá đồ đạc trong nhà, sự việc kéo dài nhiều năm. Vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay. Trước đây chị Đ có nộp đơn ly hôn vào tháng 10 năm 2018 nhưng suy nghĩ cho hai con và để cho chồng cơ hội sửa đổi nên chị rút lại yêu cầu ly hôn . Nhưng anh H vẫn không thay đổi. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trương Thanh Ng, sinh ngày 09/07/1995 hiện đã thành niên và lao động được và Trương Thị Trúc Ph, sinh ngày 07/10/2007 Trúc Ph hiện đang sống với chị Đ, chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi Trúc Ph không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không có.

Tại bản tự khai ngày 02/01/2019 và tại phiên tòa anh H trình bày: Anh thống nhất lời khai của chị Đ về thời gian kết hôn, ly thân, quá trình chung sống. Trước đây vợ tôi đã nộp đơn ly hôn tại Tòa 01 lần và tôi có làm tờ cam kết ngày 09/10/2018 sẽ không ghen tuông vô cớ, quan tâm chăm sóc vợ con hơn nhưng tôi không làm gì có lỗi nên không xin lỗi và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất như phần trình bày của chị Đ, con chung hiên tại đã lớn tùy con muốn sống với ai thì người đó nuôi, không cấp dưỡng.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án cũng như ban hành văn bản tố tụng, cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng đúng quy định; Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân của chị Đ và anh H được xác lập trên cở sở tự tìm hiểu, hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do anh H không quan tâm chăm sóc vợ con, ghen tuông vô cớ, thường xuyên uống rượu, cờ bạc, đá gà, tiền làm ra bao nhiêu cũng tiêu xài cá nhân, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và ly thân, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn

được. Nên yêu cầu ly hôn của chị Đ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về con chung: Hiện tại anh, chị không tranh chấp, cháu Ph có nguyện vọng được sống với chị Đ, nghĩ cũng phù hợp đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H nên quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh H với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại ấp Bình Phú 1, xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

[2.] Về nội dung:

Hôn nhân của Chị Đ và anh H được xác lập năm 1994, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét về yêu cầu ly hôn, thấy rằng: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị Đ, anh H có nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã, anh H không quan tâm chăm sóc vợ con, ghen tuông vô cớ, thường xuyên uống rượu, đá gà, vợ chồng ít gần gũi, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, tình cảm vì thế mà dần phai nhạt. Vợ chồng ly thân với nhau từ năm 2016 đến nay. Điều này phù hợp với lời trình bày của ông Trần Minh Kh, Trưởng ấp Bình Ph 1 và lời trình bày của ông Hồ Thạnh L(anh ruột chị Đ).

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*….". Thế nhưng vợ chồng chị Đ, anh H không còn chung sống khoảng hai năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như

không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho chị Đ được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh H thống nhất vợ chồng có 02 người con chung tên Trương Thanh Ng, sinh ngày 09/07/1995 hiện đã thành niên và lao động được và Trương Thị Trúc Ph, sinh ngày 07/10/2007 cháu Ph chưa thành niên nhưng tại bản tự khai ngày 03/01/2019 Trúc Ph có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Hội đồng xét xử giao con chung Trúc Ph cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của con. Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Nợ pH thu, pH trả chung của vợ chồng: Không có.

[6] Về án phí: Chị Đ pH chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Hồ Ngọc Đ được ly hôn với anh Trương Minh H .

2. Về con chung: Giao con chung Trương Thị Trúc Ph, sinh ngày 07/10/2007 cho chị Hồ Ngọc Đ tiếp tục nuôi dưỡng, con chung hiện nay đang sống với chị Đ. Anh H không pH cấp dưỡng nuôi con.

Việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chưa thành niên không cố định

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không có.

5. Về án phí: Chị Đ pH chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005330 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân xã Phú Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Thảo